

## **ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG CỦA VIỆT NAM - TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ LÝ THUYẾT**

**TS. Nguyễn Thanh Đức**

*Viện Kinh tế - Chính trị Thế giới*

thuyết làm cơ sở cho việc xây dựng mô hình tăng trưởng chất lượng là hết sức cần thiết.

### **1. Lý thuyết tăng trưởng của Adam Smith**

Adam Smith (1723-1790) được coi là người sáng lập ra khoa kinh tế học. Trong tác phẩm nổi tiếng “*Của cải của các dân tộc*”, ông đã trình bày một cách tương đối hệ thống và đầy đủ nhất những quan điểm về kinh tế học, đó là: học thuyết về “Giá trị lao động”, học thuyết “Bàn tay vô hình”, lý thuyết về phân phối thu nhập theo nguyên tắc “Ai có gì được nấy”...

Trong học thuyết về “Giá trị lao động”, Adam Smith cho rằng: Nguồn gốc của tăng trưởng kinh tế là lao động, vốn, và đất đai, trong đó, lao động (chứ không phải đất đai, tiền bạc) được coi là nguồn gốc tạo ra mọi của cải, là nguồn cơ bản của tăng trưởng kinh tế. Phát hiện quan trọng của Adam Smith về phân công lao động và chuyên môn hoá lao động là cơ sở để tăng năng suất lao động (NSLĐ) và tăng sản lượng (Adam Smith, 1776).

### **2. Quan niệm tăng trưởng của David Ricacđô**

Trong thập kỷ qua, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá ấn tượng, trung bình khoảng 7,5%/năm. Tuy nhiên, từ sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tốc độ tăng trưởng kinh tế của đất nước đã bị sụt giảm, hơn thế nữa, nhiều vấn đề của tăng trưởng đã bộc lộ gay gắt, đó là: Tăng trưởng nhanh nhưng tính ổn định chưa cao; Tăng trưởng nhanh nhưng chưa lâu dài bền vững; Tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn, ít dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao; Tăng trưởng chưa đi đôi với giảm bất bình đẳng thu nhập và xoá đói giảm nghèo; Tăng trưởng kéo theo sự giảm sút nghiêm trọng môi trường sinh thái... Thực tế này cho thấy, không chỉ khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008 đã tác động tiêu cực tới nền kinh tế Việt Nam, mà trong bản thân nền kinh tế Việt Nam cũng chứa đựng những yếu kém về cơ cấu, về mô hình tăng trưởng. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần đổi mới mô hình tăng trưởng, cần chuyển sang mô hình tăng trưởng mới, chất lượng và bền vững. Vậy bản chất của mô hình tăng trưởng mới, chất lượng là gì? Nó hàm chứa những nội dung và yếu tố gì? Để giải đáp những vấn đề này, thiết nghĩ, việc nghiên cứu những vấn đề lý

David Ricacđô (1772 - 1823) được coi là tác giả cổ điển xuất sắc nhất. Các nhà kinh tế học thuộc trường phái cổ điển, tân cổ điển và trào lưu kinh tế hiện đại đều có nguồn gốc tinh thần từ các tư tưởng của D. Ricacđô. Trong cuốn sách nổi tiếng “*Các nguyên lý của kinh tế chính trị học và thuế khoá*”, D. Ricacđô đã trình bày những quan điểm của ông về phát triển kinh tế, đó là: Lập luận về các yếu tố tác động tới tăng trưởng kinh tế và quan hệ giữa chúng; Phân chia các nhóm người trong xã hội và thu nhập của những nhóm người này; Quan hệ cung - cầu và vai trò hạn chế của nhà nước đối với sự phát triển kinh tế.

Trong lập luận về các yếu tố tác động tới tăng trưởng kinh tế và quan hệ giữa chúng, D. Ricacđô cũng coi đất đai, lao động và vốn là những yếu tố cơ bản của tăng trưởng kinh tế. Nhưng theo ông, yếu tố quan trọng nhất của tăng trưởng kinh tế là đất đai, đất đai chính là giới hạn của tăng trưởng. Lập luận của D. Ricacđô là: Tăng trưởng là kết quả của tích lũy, tích lũy là hàm của lợi nhuận, lợi nhuận phụ thuộc vào chi phí sản xuất lương thực, chi phí này lại phụ thuộc vào nông nghiệp và đất đai. Do đó, đất đai là giới hạn đối với sự tăng trưởng. (D. Ricacđô, 1817).

### **3. Quan niệm tăng trưởng của C. Mác**

C. Mác (1818-1883) là một nhà kinh tế học, xã hội học, triết học xuất sắc. Ông là người sáng lập ra học thuyết Mác-xít, với học thuyết này, ông đã làm một cuộc cách mạng trong kinh tế học. Tác phẩm nổi tiếng

nhất của ông là bộ “*Tư bản*”. Những quan điểm cơ bản nhất của Mác về kinh tế học là: học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết tích lũy và tái sản xuất... Đồng thời, ông cũng nêu những ý kiến mới về các chỉ tiêu tổng hợp phản ánh sự phát triển kinh tế, các yếu tố tăng trưởng kinh tế, sự phân chia giai cấp trong xã hội tư bản, chu kỳ sản xuất và vai trò của chính sách kinh tế.

Khi lập luận về các yếu tố tăng trưởng kinh tế, C. Mác đã luận giải rằng: Các yếu tố tác động đến quá trình tăng trưởng kinh tế là đất đai, lao động, vốn và tiến bộ kỹ thuật, trong đó lao động là yếu tố có vai trò quyết định đối với tăng trưởng, cũng như đối với lợi nhuận và thu nhập. Chính trong quá trình nghiên cứu về giá trị đặc biệt của sức lao động và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, Marx đã phát hiện ra điều này. (C. Mác, 1867).

### **4. Lý thuyết tăng trưởng của John Mayard Keynes**

Vào những năm 30 của thế kỷ 20, khủng hoảng kinh tế và thất nghiệp diễn ra thường xuyên và nghiêm trọng. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 chứng tỏ học thuyết “*Bàn tay vô hình*” hay “*Tự điều tiết*” của trường phái cổ điển và tân cổ điển là thiếu tính xác đáng. Tình hình này buộc các nhà kinh tế phải đưa ra được những học thuyết mới thích ứng với tình hình mới. Trong bối cảnh đó, học thuyết điều tiết kinh tế của J. M. Keynes đã ra đời.

J. M. Keynes với cuốn sách “*Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ*” (1936) được coi là người tạo ra đột phá lớn trong

kinh tế học và đánh dấu bước tiến mới trong lịch sử kinh tế học. Lý thuyết của Keynes cũng được coi là cơ sở cho sự ra đời của lý thuyết tăng trưởng hiện đại.

Theo Keynes, có thể đạt tới và duy trì sự cân bằng ở một mức sản lượng nào đó, không nhất thiết ở mức sản lượng tiềm năng, mà thông thường ở dưới mức sản lượng tiềm năng, dưới mức công ăn việc làm đầy đủ cho mọi người.

Lý thuyết trọng cầu của Keynes lần đầu tiên khẳng định rằng: Chính nhu cầu (cầu đầu tư và cầu tiêu dùng), chứ không phải cung, là nhân tố quan trọng quyết định sản lượng, và do đó quyết định tăng trưởng.

Lần đầu tiên, Keynes đã nêu bật vai trò của chính phủ, thông qua các chính sách kinh tế vĩ mô (chính sách tài chính và tiền tệ) đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế. Đối lập với trường phái cổ điển cho rằng nền kinh tế có thể tự vận động để xác lập những cân đối mới, Keynes đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của chính phủ trong điều tiết nền kinh tế. Cũng từ đó, lần đầu tiên, vai trò của khu vực nhà nước trong nền kinh tế được coi trọng.

### **5. Mô hình tăng trưởng của Harrod-Domar**

Dựa vào tư tưởng của Keynes, vào những năm 1940, các nhà kinh tế Roy Harrod ở Anh và Evsay Domar ở Mỹ đã cùng đưa ra mô hình giải thích sự tăng trưởng. Mô hình này giải thích các yếu tố tăng trưởng, sự giải thích vẫn còn bị ảnh

hưởng của quan điểm trọng cung, tuy nhiên mô hình này đã thể hiện nhiều ý tưởng của Keynes.

Harrod-Domar đã chỉ ra vai trò của tiết kiệm và đầu tư đối với tăng trưởng, trong đó đầu tư là động lực cơ bản nhất.

Tuy nhiên, trên thực tế thì tăng trưởng kinh tế vẫn có thể xảy ra trong trường hợp không tăng đầu tư. Kể cả trong trường hợp đầu tư có hiệu quả thì sự gia tăng đầu tư hay tiết kiệm cũng chỉ có thể cho phép đạt đến sự gia tăng tốc độ tăng trưởng trong ngắn hạn, chứ không thể đạt được trong dài hạn. Mô hình này, vì vậy, có ý nghĩa cho tăng trưởng trong ngắn hạn và trung hạn hơn là trong dài hạn.

### **6. Mô hình tăng trưởng của Solow**

Do những nhược điểm của mô hình Harrod-Domar, dựa trên những tư tưởng của lý thuyết tân cổ điển, năm 1924, Solow đã xây dựng nên mô hình tăng trưởng mang những ý tưởng mới, được gọi là mô hình tăng trưởng Solow. Nếu như mô hình của Harrod-Domar chỉ xét đến vai trò của vốn sản xuất (thông qua tiết kiệm và đầu tư) đối với tăng trưởng, thì mô hình Solow đã đưa thêm nhân tố lao động và công nghệ vào phương trình tăng trưởng và ông cũng khẳng định rằng tiến bộ kỹ thuật là yếu tố quyết định đến tăng trưởng, cả ngắn hạn và dài hạn. Mô hình này cho biết: tiết kiệm, tăng dân số và tiến bộ công nghệ có ảnh hưởng như thế nào tới mức sản lượng và tốc độ tăng trưởng của một nền kinh tế theo thời gian.

Điểm đột phá nhất của mô hình tăng trưởng của Solow là đã giảm sự cứng nhắc của mô hình Harrod-Domar bằng cách sử dụng hàm sản xuất có năng suất giảm dần của các nhân tố sản xuất, trong đó giải định tiền công và hệ số giữa vốn và sản lượng là có thể điều chỉnh, thay vì bất biến như ở mô hình Harrod-Domar. Nhờ đó, nền kinh tế có thể điều chỉnh để tiến tới trạng thái cân bằng và trạng thái này là ổn định.

### **7. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế hiện đại (P.A. Samuelson)**

Dựa vào lý thuyết của Keynes, chính phủ các nước đã sử dụng chính sách kinh tế của nhà nước để hạn chế mức độ lạm phát và thất nghiệp, làm tăng mức sản lượng tiềm năng. Nhưng sau một thời gian dài áp dụng lý thuyết này, các nước có xu hướng quá nhấn mạnh vai trò của chính sách kinh tế, do đó hạn chế mức độ tự điều chỉnh của thị trường và xuất hiện những trở ngại mới cho quá trình tăng trưởng. Trong bối cảnh đó, một trường phái kinh tế mới ra đời. Các nhà kinh tế của trường phái này ủng hộ việc xây dựng một nền kinh tế hỗn hợp, trong đó thị trường trực tiếp xác định quan hệ cung-cầu và những quan hệ cơ bản khác của nền kinh tế, còn nhà nước tham gia điều tiết có mức độ nhằm hạn chế những mặt tiêu cực của thị trường. Thực chất của trường phái kinh tế hiện đại là sự xích lại gần nhau của trường phái tân cổ điển và học thuyết kinh tế của Keynes. Đại diện xuất sắc cho trường phái kinh tế hiện đại là P.A. Samuelson. Ông đã được giải thưởng Nobel về kinh tế năm 1970

với tác phẩm “*Kinh tế học*”. Nếu các nhà kinh tế học của phái cổ điển và cổ điển mới say sưa với lý thuyết “*Bàn tay vô hình*”, trường phái Keynes cổ vũ cho học thuyết “*Bàn tay nhà nước*”, thì Samuelson chủ trương phát triển kinh tế phải dựa vào cả “*hai bàn tay*”, đó là thị trường và nhà nước. Ông cho rằng: “*Điều hành một nền kinh tế không có chính phủ hoặc thị trường cũng như định vô tay bằng một bàn tay*”.

Lý thuyết kinh tế hiện đại có một số điểm mới so với các học thuyết tăng trưởng kinh tế trước đó. Theo Samuelson, ngoài các yếu tố vật chất như vốn, đất đai, lao động, tài nguyên trực tiếp tác động đến tăng trưởng kinh tế, yếu tố tiên bộ công nghệ ngày càng trở nên quyết định đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Lý thuyết hiện đại cũng xác định rõ mối quan hệ giữa các yếu tố sản xuất. Samuelson cho rằng một trong những đặc trưng quan trọng của kinh tế hiện đại là “*kỹ thuật công nghiệp tiên tiến hiện đại dựa vào việc sử dụng vốn lớn*”. Do đó, vốn là cơ sở để phát huy tác dụng của các yếu tố khác: vốn là cơ sở để tạo việc làm để có công nghệ tiên tiến. Vì vậy, trong tính toán kinh tế ngày nay, hệ số ICOR vẫn được coi là cơ sở để xác định tỉ lệ đầu tư cần thiết phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Lý thuyết tăng trưởng hiện đại cũng khẳng định vai trò ngày càng tăng của Nhà nước trong điều tiết kinh tế. Theo Samuelson, trong nền kinh tế hỗn hợp hiện đại, chính phủ có 4 chức năng cơ bản: Thiết

lập khuôn khổ pháp luật; Xác định chính sách ổn định kinh tế vĩ mô; Tác động vào việc phân bổ tài nguyên để cải thiện hiệu quả kinh tế; Thiết lập các chương trình tác động đến việc phân phối thu nhập. Theo ông, chính phủ cần tạo ra môi trường ổn định để các doanh nghiệp và các hộ gia đình tiến hành sản xuất và trao đổi sản phẩm một cách thuận lợi.

Các lý thuyết về tăng trưởng nói trên đều cố gắng giải thích những yếu tố vật chất, hay những yếu tố về lượng quyết định quá trình tăng trưởng kinh tế. Có thể tóm lại là có 4 yếu tố chủ yếu quyết định tốc độ tăng trưởng kinh tế, đó là: nguồn nhân lực, nguồn tài nguyên, mức độ tích lũy vốn lớn, sự đổi mới công nghệ.

Cho đến đầu những năm 1980, tăng trưởng dựa vào tốc độ, qui mô, số lượng được coi là mục tiêu hàng đầu của các quốc gia. Đến đầu thập kỷ 1990, sự phân hoá giàu nghèo giữa các quốc gia càng tăng lên, tốc độ tăng trưởng cao ở một số quốc gia đang phát triển đã chậm lại, một số quốc gia còn đạt tốc độ tăng trưởng âm (châu Phi)... Thực tế đó đã đặt dấu hỏi lớn cho các nhà khoa học. Vậy, có phải tăng trưởng ngắn hạn là không bền vững, không đảm bảo cho một sự tăng trưởng trong dài hạn? Quá trình tăng trưởng trong thời gian qua có phải chỉ chú ý đến chiều rộng, mà chưa chú ý đến chiều sâu? Quá trình tăng trưởng vừa qua chưa mang tính chất lượng? Kể từ giữa thập kỷ 1990, trên diễn đàn kinh tế bắt đầu xuất hiện khái niệm tăng trưởng chất lượng.

## 8. Khái niệm tăng trưởng chất lượng của UNDP

Lần đầu tiên, trong “*Báo cáo về phát triển con người*”, UNDP đã đưa ra nhiều khái niệm tăng trưởng khác nhau như:

+ *Tăng trưởng mất gốc*: Tức là sự tăng trưởng khiến cho nền văn hoá của con người trở nên khô héo.

+ *Tăng trưởng không việc làm*: Đó là tăng trưởng kinh tế nhưng không tạo thêm nhiều cơ hội việc làm, hoặc phải làm việc nhiều giờ với mức lương thấp (với NSLĐ thấp) trong khu vực nông nghiệp và những khu vực không chính thức.

+ *Tăng trưởng không lương tâm*: Đó là tăng trưởng mà thành quả của nó chủ yếu chỉ có lợi cho người giàu, còn người nghèo được hưởng ít, thậm chí có nơi số người nghèo còn tăng thêm, khoảng cách giàu nghèo gia tăng.

+ *Tăng trưởng không tương lai*: Đó là sự tăng trưởng mà thế hệ hiện nay phung phí những nguồn lực mà thế hệ tương lai sẽ phải trả giá...

Những khái niệm này nhằm cảnh báo về sự tăng trưởng “không công bằng”, tăng trưởng không dài hạn, và từ đó tập trung làm sáng tỏ một ý: tăng trưởng cần phải gắn với chất lượng (UNDP, 1999).

## 9. Khái niệm tăng trưởng bền vững

Lần đầu tiên, Hội nghị của Liên hiệp quốc về Môi trường đã diễn ra vào tháng 6 năm 1972 tại Stockholm, Thụy Điển. Trong

Hội nghị này, N.Meadows đã thay mặt nhóm chuyên gia của Câu lạc bộ Rome trình bày báo cáo có tên “*Các giới hạn tăng trưởng*”. Luận điểm chính của Báo cáo là: *Nếu thế giới tiếp tục duy trì mức độ phát triển như hiện tại thì trong thế kỷ 21, loài người sẽ đi tới giới hạn của sự tăng trưởng và sự sụp đổ là không tránh khỏi. Báo cáo này lập tức gây tiếng vang lớn trên thế giới và là cơ sở hình thành Chiến lược Phát triển bền vững tiếp sau này của Liên hiệp quốc.*

Hội nghị quốc tế về Môi trường năm 1972 đã đưa đến việc thành lập Chương trình Môi trường của Liên hiệp quốc và ra Tuyên bố về Môi trường hay là Tuyên bố Stockholm. Tuyên bố này đã đưa ra các nguyên tắc cho những vấn đề môi trường quốc tế khác nhau, bao gồm: quyền con người, quản lý thiên nhiên, ngăn chặn ô nhiễm, cũng như mối quan hệ giữa môi trường và phát triển.

Nhằm mục đích bảo vệ môi trường cũng như bảo vệ sự sống, lần đầu tiên vấn đề phát triển bền vững được đề cập đến trong Báo cáo “*Tương lai chung của chúng ta*” (hay còn gọi là Báo cáo Brundtland) của Ủy ban về Môi trường và Phát triển thế giới (WCED) năm 1987. Theo Báo cáo này, phát triển bền vững là sự phát triển để đáp ứng những nhu cầu của ngày hôm nay mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu của các thế hệ tương lai. Quan điểm này đã được coi trọng và tiếp nhận một cách rộng rãi.

Tiếp đó, tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất được tổ chức lần đầu tiên tại Rio de Janeiro, Brazil năm 1992, các nước đã thông qua Bản Tuyên ngôn Rio và Chương trình nghị sự 21, thành lập Ủy ban Phát triển bền vững. Chương trình nghị sự 21 là một kế hoạch hành động của Liên hiệp quốc nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững. Đây là một kế hoạch hành động toàn diện cho các tổ chức quốc tế, các quốc gia, và địa phương của Liên hiệp quốc, cho các chính phủ và những nhóm chủ yếu ở mọi nơi mà con người đang chịu tác động của môi trường. Hội nghị này đã xây dựng được ba công cụ giám sát môi trường toàn cầu, đó là: Công ước khung của Liên hiệp quốc về Biến đổi khí hậu; Công ước về Đa dạng hoá sinh học; Tuyên bố về Những nguyên tắc đối với rừng.

Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất lần thứ hai được tổ chức tại Johannensberg (2002), Nam Phi. Đây là Hội nghị xây dựng đối tác cho phát triển bền vững, với hai văn kiện quan trọng là Tuyên bố chung và Kế hoạch hành động về Bền vững. Ba trụ cột chính để tiếp cận sự phát triển bền vững là: kinh tế, môi trường, và công bằng xã hội.

Thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 21 đã chứng kiến hàng loạt các cuộc khủng hoảng về kinh tế, xã hội cũng như môi trường. Biến đổi khí hậu khốc liệt, thiếu hụt tài nguyên trầm trọng..., tất cả những điều đó đã đưa tới một chiến lược mới trong tăng trưởng của các quốc gia, chiến lược tăng trưởng xanh. Tăng trưởng xanh chỉ là một phần, chứ không thay thế hoàn toàn tăng trưởng bền vững. Chương trình Môi trường của Liên hiệp quốc (UNEP)

đã gộp những xu hướng xanh vào trong nền Kinh tế Xanh hoặc Thoả thuận Xanh mới toàn cầu.

Tháng 6 năm 2009, OECD, trong cuộc họp bộ trưởng các nước, đã yêu cầu xây dựng Chiến lược tăng trưởng Xanh như là động lực quan trọng để phục hồi nền kinh tế nhanh chóng sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008.

Kỳ họp thứ 6 các Bộ trưởng Môi trường của các nước Châu Á - Thái Bình Dương cuối tháng 9 năm 2010 tại Kazakhstan tái khẳng định: “*Tăng trưởng Xanh là một trong những xu hướng hỗ trợ cho tăng trưởng nhanh, cho việc đạt tới những Mục tiêu Thiên niên kỷ và sự bền vững về Môi trường*”. Kỳ họp này cũng xác định 5 chính sách chủ yếu để chuyển sang nền kinh tế xanh. Đó là: Chuyển từ tăng trưởng theo số lượng sang chất lượng; Quốc tế hoá giá sinh thái; Phát triển cơ sở hạ tầng bền vững; Chuyển việc bảo vệ môi trường thành cơ hội kinh doanh; Thúc đẩy các hoạt động kinh tế giảm thiểu khí cacbon.

#### **10. Khái niệm tăng trưởng chất lượng của R. Lucas và J. Stiglitz**

Theo R. Lucas và J. Stiglitz, chất lượng tăng trưởng biểu hiện ở một số tiêu chí chính sau:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định trong dài hạn và tránh được những biến động từ bên ngoài;

+ Tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu được thể hiện ở sự đóng góp của tổng năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) cao và không ngừng gia tăng;

+ Tăng trưởng phải đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế;

+ Tăng trưởng phải đi kèm với phát triển môi trường bền vững;

+ Tăng trưởng luôn hỗ trợ cho đổi mới thể chế dân chủ, đến lượt nó thúc đẩy tăng trưởng ở mức độ cao hơn;

+ Tăng trưởng phải đạt được mục tiêu cải thiện phúc lợi xã hội và xoá đói giảm nghèo.

#### **11. Quan điểm chất lượng tăng trưởng của Vinod et al.**

Trên cơ sở những nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn, năm 2000, Vinod et al. đã đưa ra ba khía cạnh của chất lượng tăng trưởng là: (1) Tốc độ tăng trưởng cao cần được duy trì trong dài hạn; (2) Tăng trưởng cần được đóng góp một cách trực tiếp vào cải thiện bền vững phúc lợi xã hội, cụ thể là phân phối công bằng những thành quả của phát triển và xoá đói giảm nghèo; (3) Khía cạnh môi trường của tăng trưởng hay tăng trưởng không làm xuống cấp chất lượng môi trường.

Quan trọng hơn là, Vinod et al. đã đề cập đến các phương pháp đánh giá chất lượng tăng trưởng (Xem Hình 1).

Hình 1. Phương pháp đánh giá chất lượng tăng trưởng

<b>Chất lượng tăng trưởng</b>		
<b>Duy trì tốc độ tăng trưởng cao trong dài hạn</b>	<b>Tăng trưởng đồng thời nâng cao phúc lợi xã hội</b>	<b>Tăng trưởng không làm giảm chất lượng môi trường</b>
<p><b>Các chỉ số đánh giá:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ tăng GDP;</li> <li>- Tính liên tục ổn định của tốc độ tăng GDP;</li> <li>- Nguồn lực của tăng trưởng: đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, TFP, vào tốc độ tăng GDP.</li> </ul>	<p><b>Các chỉ số đánh giá:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ nghèo, tốc độ giảm nghèo;</li> <li>- Chỉ số HDI;</li> <li>- Bất bình đẳng về phân phối thu nhập: Hệ số GINI.</li> </ul>	<p><b>Các chỉ số đo chất lượng môi trường thay đổi do nguyên nhân tăng trưởng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô nhiễm không khí: khối lượng, tốc độ CO<sub>2</sub> thải ra không khí;</li> <li>- Ô nhiễm nguồn nước: chất thải công nghiệp;</li> <li>- Ô nhiễm đất: tỷ lệ diện tích đất có rừng, tỷ lệ cháy rừng, tình trạng thoái hoá đất...</li> </ul>

## 12. Quan điểm tăng trưởng dựa trên năng lực cạnh tranh

M. Porter là người đầu tiên đưa ra khái niệm cạnh tranh và cũng là người sáng lập ra lý thuyết cạnh tranh. Theo lý thuyết của M. Porter, nền tảng cơ bản xác định năng lực cạnh tranh (NLCT) của quốc gia gồm 4 trụ cột: (1) Phát triển giáo dục và y tế cơ bản; (2) Cơ sở hạ tầng; (3) Ổn định kinh tế vĩ mô; (4) Chất lượng thể chế. Nhóm những yếu tố cơ bản này không chỉ ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh, mà thực chất còn ảnh hưởng

đến tăng trưởng cả về số lượng và chất lượng. Bởi vậy, theo nghĩa hẹp, chất lượng tăng trưởng đôi khi đồng nghĩa với năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

M. Porter đồng thời cũng là người đưa ra phương pháp đo lường NLCT quốc gia. Theo ông, NLCT quốc gia được đo bằng sự thịnh vượng, thể hiện qua thu nhập bình quân đầu người và chất lượng sống. Sự thịnh vượng suy cho cùng do NSLĐ quyết định. (Xem Hình 2).

**Hình 2. Phương pháp đánh giá năng lực cạnh tranh**

<b>Sự thịnh vượng</b>	
<b>Các chỉ số:</b> Thu nhập bình quân đầu người	<b>Các chỉ số chất lượng sống:</b> - Giáo dục và y tế cơ bản; - Tỷ lệ nghèo; - Bất bình đẳng; - Chất lượng môi trường.
<b>Các chỉ số xác định:</b> - Năng suất lao động; - Sử dụng nguồn lực của tăng trưởng đo bằng: đóng góp của các yếu tố vốn, lao động, TFP vào tốc độ tăng GDP.	

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác, *Tư bản*, quyển 1, tập 1, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1973.
2. CIEM- FES (2004), *Kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững*, Thông tin chuyên đề số 7.
3. Đinh Văn Ân, *Quan niệm và thực tiễn phát triển kinh tế xã hội tốc độ nhanh, bền vững, chất lượng cao ở Việt Nam*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2005.
4. Đinh Văn Ân và Nguyễn Thị Tuệ Anh (2008), *Tăng trưởng năng suất lao động Việt Nam 16 năm (1991-2006) từ góc độ đóng góp của các ngành kinh tế và chuyển dịch ngành*, NXB Lao động, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Tuệ Anh và Lê Xuân Bá (2005), *Chất lượng tăng trưởng kinh tế: Một số đánh giá ban đầu cho Việt Nam*. Báo cáo nghiên cứu của CIEM với tài trợ của FES.
6. Phạm Ngọc Linh và Nguyễn Thị Kim Dung (2009), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Kinh tế quốc dân, Hà Nội,
7. Phạm Văn Chiến (2003), *Lịch sử tư tưởng kinh tế*, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội.
8. Stiglitz J.E (1995), *Kinh tế học công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
9. Trần Bình Trọng (2003), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Thống kê, Hà Nội.
10. Trần Văn Tùng (2003), *Chất lượng tăng trưởng nhìn từ Đông Á*, NXB Thế giới.
11. UNDP (1999), *Báo cáo phát triển con người của Liên hiệp quốc*.
12. Vinod et al. (2000): *The Quality of Growth*, Published for the World Bank, Oxford University Press.